TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-ST
Ngày: 04 – 9 – 2019
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;

2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2019/TLST-HC ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Hoàng Hoa T, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chi cục thuế thị xã T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: đường N, khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Văn C, sinh năm 1960 – chức vụ: Chi cục phó Chi cục thuế thị xã T, là người đại diện theo uỷ quyền. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25-01-2019, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Vũ Văn T trình bày:

Năm 1998, ông T được Quân đoàn 4 giao 02 lô đất số 29 và 31 dãy F thuộc khu nhà ở gia đình cán bộ lữ đoàn 434 tại xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương) với tổng diện tích là 300 m2, ông T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Quân đoàn 4, cụ thể ông T đã nộp số tiền 70.000.000 đồng theo 02 phiếu thu ngày 07/9/1999 và ngày 30/9/1999, ông T đã trực tiếp quản lý sử dụng phần đất nêu trên từ đó đến nay. Đến năm 2008, sau khi Quân đoàn 4 chuyển toàn bộ khu đất này cho địa phương quản lý thì ông T có làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Đến ngày 11/11/2016, Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai thị xã T có thông báo số 6010/PC-CNVPĐKDĐ về việc chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Vũ Văn T. Căn cứ vào phiếu chuyển thông tin trên đến ngày 14/11/2016 Chi cục thuế Thuận An có ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016, có nội dung buộc ông T phải nộp số tiền là 324.155.000 đồng đối với phần diện tích đất nêu trên. Việc chi cục thuế thị xã T căn cứ vào Điều 8 Nghị định 45 ngày 15/5/2014 của Chính phủ áp dụng số tiền trên cho ông T phải nộp là không phù hợp vì nguồn đất là do Quân Đoàn 4 giao cho ông T từ năm 1998, do đó phải áp dụng điểm a khoản 7 Điều 20 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là thuộc trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất. Việc Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 là không đúng. Ngày 28/02/2018, ông T có văn bản gửi Chi cục thuế thị xã T để xem xét tính lại tiền thuế sử dụng đất đối với việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T. Sau đó Chi cục thuế thị xã T có ban hành thông báo trả lời đơn số 2464/CCT-TBTK ngày 28/3/2018, tuy nhiên cả 02 văn bản mà Chi cục thuế thị xã T ban hành là không đúng pháp luật.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu huỷ thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 và thông báo trả lời đơn số 2464/CCT-TBTK ngày 28/3/2018 của Chi cục thuế thị xã T.

Tại văn bản số 2342/CCT-TBTK ngày 09/4/2019 và văn bản số 3689/CCT-TBTK ngày 27/5/2019, quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Võ Văn C trình bày:

Căn cứ điều 59 Luật đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân mới có thẩm quyền cấp đất, giao đất, cho thuê đất do đó việc Quân đoàn 4 giao đất cho ông T là không phù hợp. Chi cục thuế thị xã T căn cứ vào thông báo số 6010/PC-CNVPĐKDĐ của chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai thị xã T ngày 11/11/2016 về việc phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Vũ Văn T. Từ đó Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 với số tiền thuế là 324.155.000 đồng.

Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo thuế căn cứ vào nguồn gốc đất của ông T là đất do Quân đoàn 4 quản lý đến năm 1998 cấp cho hộ ông T sử dụng đến nay theo đơn xin kê khai nguồn gốc đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận ngày 07/10/2008, do đó trường hợp của ông T là thuộc trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền nên Chi cục thuế áp dụng Điều 8 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ban hành thông báo thuế với số tiền trên là phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm ông T xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hai thông báo thuế số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 và thông báo trả lời đơn số 2464/CCT-TBTK ngày 28/3/2018 thì Chi cục thuế thị xã T không đồng ý.

Tại phiên tòa:

- Nguyên khởi kiện giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung.

- Người bị kiện giữ nguyên ý kiến trình bày, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Người khởi kiện khởi kiện quyết định hành chính của Chi cục thuế thị xã T về việc nộp tiền thuế sử dụng đất, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 31 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TBTK ngày 14/11/2016 và Văn bản số 2464/CCT-TBTK do Chi cục thuế thị xã T ban hành có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của ông Vũ Văn T, thoả mãn các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm

2015 nên là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/11/2016, Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TBTK, ngày 28/02/2018 ông T có văn bản gửi Chi cục Thuế thị xã T về việc xem xét tính lại tiền thuế sử dụng đất, đến ngày 28/3/2018, Chi cục thuế thị xã T có văn bản số 2464/CCT-TBTK về việc trả lời văn bản của ông T. Ngày 25/01/2019 ông T nộp đơn khởi kiện nên vẫn còn thời hiện khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 116 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T có văn bản yêu cầu Tòa án đưa Công ty cổ phần A – Quân đoàn 4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty cổ phần A – Quân đoàn 4 là cơ quan cung cấp thông tin cho Tòa án và không có quyền lợi nghĩa vụ gì phát sinh từ vụ án hành chính nên người khởi kiện yêu cầu đưa Công ty T vào tham gia tố tụng là không phù hợp quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 đối với ông Vũ Văn T, theo thông báo trên ông T phải nộp số tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 273, diện tích đất 300,70m^2 với số tiền là 324.155.000đồng. Thông báo này chứa đựng nội dung theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên được xem là quyết định hành chính bị kiện. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện theo Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Về trình tự, thủ tục và thời hạn ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 đối với ông Vũ Văn T: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, mục 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì "Căn cứ hồ sơ địa chính (thông tin về người sử dụng đất, diện tích đất, vị trí đất và mục đích sử dụng đất) do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường gửi đến; căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phê duyệt giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất hoặc Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan thuế xác định số tiền sử dụng đất, ra thông báo nộp tiền sử dụng đất và gửi cho hộ gia đình, cá nhân". Theo đó, ngày 11/11/2016 Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T có văn bản số 6010/VPĐK về việc chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông T; ngày 14/11/2016 Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo thuế là phù hợp. Do đó,

thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 đối với ông Vũ Văn T là đúng trình tự thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật.

[2.3] Về thẩm quyền ban hành: Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 do Thủ trưởng cơ quan thuế ban hành là phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012 và tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục thuế quy định chức năng, nhiệm vu quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế.

[2.4] Xét về nội dung thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số 120, tờ bản đố số 273 trước năm 1975 đến năm 1998 do Quân đoàn 4 quản lý, đến năm 1998 giao cho ông T quản lý sử dụng đến nay. Tại đơn xin kê khai nguồn gốc nhà đất được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận ngày 07/10/2018, tại điểm d, mục 2 ông T xác định nhà chưa xây dựng. Căn cứ vào nguồn gốc đất, thông tin về hiện trạng thửa đất và quá trình giao đất của Quân đoàn 4 là không phù hợp quy định tại Điều 52, Điều 55, Điều 59 và Điều 100 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, Chi cục thuế thị xã Thuận An căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất đối với ông T là phù hợp.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng ông đã nộp số tiền 70.000.000 đồng cho Công ty An Bình – Quân đoàn 4 thì Công ty phải có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước, nay Chi cục thuế thị xã T buộc ông phải nộp tiền sử dụng đất là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Trường hợp ông T cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị ảnh hưởng thì ông có quyền khởi kiện cá nhân, cơ quan, tổ chức gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Hiện nay, ông T không cung cấp được chứng cứ nào xác định ông đã nộp tiền sử dụng đất nên Chi cục thuế thị xã T ban hành thông báo thuế theo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông T của Văn phòng đăng ký đất đai là phù hợp.

[2.6] Từ những nhận định trên, việc ông T khởi kiện yêu cầu huỷ thông báo nộp tiền sử dụng đất số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 và thông báo trả lời đơn số 2464/CCT-TBTK ngày 28/3/2018 của Chi cục thuế thị xã T là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 191; Điều 194 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Các Điều 52, 55, 59, 00 của Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất;

- Điều 8 và Điều 9 của Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012.

- Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục thuế quy định chức năng, nhiệm vu quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Vũ Văn T về việc yêu cầu hủy thông báo thuế số 242/11/2016/TB/TBTK ngày 14/11/2016 và thông báo trả lời đơn số 2464/CCT-TBTK ngày 28/3/2018 của Chi cục thuế thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Văn T phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034843 ngày 22/3/2019 và số 0035297 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;,
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thiệu Văn Kết Em